TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MINH HOÁ
TỈNH QUẢNG BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 58/2020/HNGĐ- ST
Ngày: 09/7/2020
"V/v ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MINH HOÁ, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trương Quốc Hoàn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông: Nguyễn Thanh Toàn

Ông: Trương Ngọc Nhân

- Thư ký phiên toà: Bà Vũ Thị Hà – Thư ký Toà án nhân dân huyện Minh Hoá, tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Minh Hóa tham gia phiên toà: ông Đinh Trần Trung Hiếu – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 7 năm 2020 tại Toà án nhân dân huyện Minh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 20/2020/TLST - HNGĐ ngày 12/02/2020về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2020/QĐXX-ST ngày 05/6/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị H Th L, sinh năm 1990

Trú tại: Bản Y L, xã D H, huyện M H, tỉnh Qu B. Vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh H C, sinh năm 1991

Trú tại: Bản L Tr, xã Tr H, huyện M H, tỉnh Qu B. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 06/02/2020 và bản tự khai ngày 26/02/2020 của nguyên đơn H Th L trình bày giữa chị và anh H C đã đăng ký kết hôn năm 2012 tại Ủy ban nhân dân xã Tr H, huyện M H, tỉnh Qu B trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Thời

gian đầu chung sống hạnh phúc và đã sinh được 01 người con. Sau đó hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau gây mất đoàn kết gia đình, hiện nay hai vợ chồng sống ly thân với nhau. Vì vậy chị L làm đơn yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh C.

Con chung của vợ chồng: Hai vợ chồng có 01 người con chung là cháu H Th Kh sinh ngày 10/12/2009 hiện nay cháu Kh đang ở với chị L. Sau khi ly hôn nguyện vọng của chị L là được nuôi dưỡng cháu Kh và yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con 500.000đ/1 tháng.

Tài sản chung và khoản vay chung: Không có.

Ngày19/6/2020, Toà án nhân dân huyện Minh Hoá đã mở phiên tòa xét xử sơ thẩm ly hôn đối với chị L và anh C. Mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng anh C vẫn vắng mặt nên Toà án đã hoãn phiên toà vì vắng mặt bị đơn. Tại phiên tòa hôm nay anh C vẫn vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên tham gia giải quyết vụ án đưa ra quan điểm xét xử như sau: Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nguyên đơn và chấp hành đúng các quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn không chấp hành đúng các quyền và nghĩa vụ. Về quan điểm xét xử đối với vụ án: Áp dụng Điều 147, 227, 228, khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Nghị Quyết 326 ngày 30/ 12/ 2016/UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí. đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn, tuyên xử chị H Th L được ly hôn anh H C.

Về con chung: Hai vợ chồng chị H Th L và anh H C có 01 con chung là cháu H Th Kh sinh năm 2009. Xét điều kiện và nguyện vọng của chị H Th L, tuyên xử cho chị H Th L được nuôi dưỡng cháu H Th Kh. Anh H C có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Kh mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, các khoản vay chung: Chị H Th L không yêu cầu nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị H Th L và anh H C được miễn án theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ kiện tranh chấp về hôn nhân và gia đình, căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Minh Hóa.

Sau khi thụ lý vụ án Toà án nhân dân huyện Minh Hoá đã triệu tập anh C nhiều lần nhưng anh C không đến Toà án để giải quyết vụ án. Toà án đã đến tại cơ sở và xác

minh thì biết được anh C đang đi làm ăn xa, không có mặt tại địa phương nơi cư trú.Tòa án đã niêm yết tất cả các giấy triệu tập, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Thông báo mở lại phiên tòa nhưng anh C vẫn không đến Tòa án để giải quyết vụ án theo yêu cầu của chị L. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Ngày 19/6/2020 chị L viết đơn xin xét xử vắng mặt vì lý do điều kiện đi lại, kinh tế khó khăn và yêu cầu hội đồng xét xử giải quyết các nội dung theo đơn xin xét xử vắng mặt cho chị. Xét thấy đơn xin xét xử vắng mặt của chị chị L là hợp lệ và tự nguyên nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin xét xử vắng mặt của chị L.

[2] Xét quan hệ hôn nhân: Chị H Th L và anh H C đã đăng ký kết hôn năm 2012 tại Ủy ban nhân dân xã Tr H, huyện M H, tỉnh Qu B trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không có ai ép buộc nên coi đây là cuộc hôn nhân hợp pháp nhưng do anh chị thường xuyên bất đồng quan điểm trong cuộc sống mà hai bên không khắc phục được dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, hai vợ chồng sống ly thân với nhau. Xét thấy nguyện vọng của chị L xin được ly hôn là chính đáng cần chấp nhận, áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị H Th L được ly hôn với anh H C.

[3] Về con chung: Xét thấy hiện nay con chung của hai anh chị đang ở với chị L và nguyện vọng của chị L là muốn được nuôi con. Hội đồng xét xử áp dụng Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình xử giao cho chị H Th L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu H Th Kh sinh ngày 10/12/2009 là hợp lý. Xử buộc anh H C đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng), cho đến khi cháu H Th Kh tròn 18 tuổi.

[4] Tài sản chungvà khoản vay chung: Không có nên không xem xét.

[5] Án phí: Chị H Th L và anh H C là người đồng bào bào dân tộc thiểu số sống ở xã có điều kiện kinh tế khó khăn nên được miễn án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 147, 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình:

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị H Th L được ly hôn với anh H C.

2. Về con chung: Xử giao chị H Th L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu H Th Kh sinh ngày 10/12/2009. Xử buộc anh H C đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng), cho đến khi cháu H Th Kh tròn 18 tuổi.

Việc cấp dưỡng nuôi con được thực hiện kể từ tháng 7/2020. Không ai được ngăn cản việc đi lại chăm sóc con chung, khi cần thiết vì quyền lợi của con một trong hai bên có quyền làm đơn yêu cầu Toà án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí: Chị H Th L và anh H C nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm về tranh chấp hôn nhân và gia đình và án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo đình kỳ.

4. Quyền yêu cầu thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trường hợp bên phải thi hành án do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán quy định tại Khoản 2 Điều 357 bộ luật Dân sự mà không có thỏa thuận lãi suất thì thực theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự được xác định mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất quá hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự để trả cho bên được thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngàynhận được bản án hoặc kể từ ngày được niêm yết bản án tại UBND xã nơi cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện Minh Hoá;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục THADS huyện Minh Hoá;
- Nguyên đơn;
- Bị đơn;
- UBND xã Tr H;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Trương Quốc Hoàn